TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 498/2023/HC-PT
Ngày 03-7-2023
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc và ông Dương Tuấn Vinh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai (Trực tuyến) vụ án hành chính thụ lý số: 899/2022/TLPT-HC ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2022/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1463/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu V, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Hoàng L, Luật sư Văn phòng L1 - Đoàn Luật sư tỉnh L. Địa chỉ: Số E T, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An (Có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện Đ: Ông Trương Minh H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An: Ông Trương Văn Đ – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh Long An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện ông Đỗ Văn D *trình bày:*

Diện tích 5.400m² thuộc các thửa đất số 176, 177 cùng tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, có nguồn gốc vào năm 1989 của ông Đỗ Văn X (Cha của ông D) ký "Khế ước" với Nhà nước để được sử dụng đất của Nông trường mía H, sau đó ông X giao lại cho ông D quản lý và sử dụng ổn định đến nay, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt: giấy chứng nhận QSDĐ).

Ngày 08/6/2018 UBND tỉnh L ban hành Quyết định "Về việc thu hồi đất của Nông trường mía H giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất T1" với lý do: Nông trường mía Hiệp Hòa giải thể (trong đó có diện tích đất nêu trên của ông D) để tạo quỹ đất sạch.

Ngày 19/6/2018, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5383/QĐ-CT về việc hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, hỗ trợ tài sản trên đất nêu trên cho ông D. Ngày 31/6/2018 ông D đã nhận tiền hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, hỗ trợ tài sản trên đất với số tiền là 255.775.000đ, ông D đã nhận đủ số tiền này.

Do không được bồi thường về đất đối với diện tích 5.400m² nêu trên, nên ông D làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Đ yêu cầu phải ban hành quyết định thu hồi đất và yêu cầu đền bù giá trị quyền sử dụng đất như trường hợp đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bị thu hồi.

Ngày 30/10/2021, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 14755/QĐ-CT ngày 30/11/2021 về việc giải quyết khiếu nại, bác đơn khiếu nại của ông D.

Nay ông D khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 14755/QĐ-CT ngày 30/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông D.

Buộc UBND huyện Đ bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 5.400m² bị thu hồi thuộc các thửa 176, 177 cùng tờ bản đồ số 5; hỗ trợ chi phí tôn tạo, chi phí di dời, chuyển đổi nghề nghiệp và cấp đất tái định cư.

Người bị kiện Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện Đ *trình bày:*

Ngày 08/6/2018 UBND tỉnh L ban hành Quyết định "Về việc thu hồi đất của Nông trường mía H giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất T1" với lý do: Nông trường mía Hiệp Hòa giải thể (trong đó có diện tích đất nêu trên của ông D) để tạo quỹ đất sạch.

Ngày 19/6/2018, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5383/QĐ-CT về việc hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, hỗ trợ tài sản trên đất nêu trên cho ông D. Ngày

31/6/2018 ông D đã nhận tiền hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, hỗ trợ tài sản trên đất với số tiền là 255.775.000đ, ông D đã nhận đủ số tiền này.

Do không được bồi thường về đất đối với diện tích 5.400m² nêu trên, nên ông D làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Đ yêu cầu phải ban hành quyết định thu hồi đất và yêu cầu đền bù giá trị quyền sử dụng đất như đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bị thu hồi đối với diện tích 5.400m² của gia đình ông D.

Ngày 30/10/2021, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 14755/QĐ-CT ngày 30/11/2021 về việc giải quyết khiếu nại, bác đơn khiếu nại của ông D.

Do đất của ông D là đất công không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cũng không đủ điều kiện để được bồi thường về đất, chi phí tôn tạo đất, chi phí ổn định cuộc sống, chi phí di dời, chi phí chuyển đổi ngành nghề, cấp đất tái định cư nên Chủ tịch và UBND huyện Đ đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 134/2022/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn D về việc:

Yêu cầu hủy Quyết định số 14755/QĐ-CT ngày 30/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Văn D.

Yêu cầu được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất của phần đất có diện tích 5.400 m^2 thuộc các thửa đất số 176, 177 cùng tờ bản đồ số 05 và những tài sản khác trên đất đúng qui định, chi phí tôn tạo và các chi phí khác như chi phí ổn định cuộc sống, chi phí di dời, chi phí chuyển đổi ngành nghề, chế độ tái định cư.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 28/9/2022, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo đề ngày 22/9/2022 của ông Đỗ Văn D, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đỗ Văn D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Diện tích đất 5.400m² của ông D có nguồn gốc của ông X ký khế ước với Nhà nước, khế ước này được xem như quyết định giao đất. Sau đó ông X giao lại cho ông D sử dụng ổn định, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 1993, 2003 và 2013, nên có đủ điều kiện để được bồi thường về đất và được hỗ trợ di dời tài sản trên đất, hỗ trợ chi phí di dời, chuyển đổi nghề nghiệp và cấp đất tái định cư. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Diện tích đất 5.400m² của ông D đang sử dụng có nguồn gốc là đất của Nông trường mía Hiệp Hòa, sau khi nông trường giải thể thì Nhà nước ký khế ước giao khoán cho ông X, sau đó ông X giao lại cho ông D sử dụng. Như vậy, UBND huyện không ban hành quyết định thu hồi đất của ông D, vì ông D không phải là người sử dụng hợp pháp nên chỉ được hỗ trợ về tài sản trên đất với số tiền 250.448.000đ, không được bồi thường về đất và không được hỗ trợ di dời tài sản trên đất, hỗ trợ chi phí di dời, chuyển đổi nghề nghiệp và cấp đất tái định cư.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị: Do diện tích đất 5.400m² ông D đang khởi kiện có nguồn gốc là đất của Nông trường mía Hiệp Hòa, khi Nông trường mía Hiệp Hòa giải thể toàn bộ tài sản của Nông trường mía H đều giao lại lại cho UBND huyện Đ quản lý, Ông X được Phòng Tài chính của huyện Đ ký khế ước có nội dung thuê đất của Nhà nước, sau đó ông X giao lại cho ông D sử dụng. Như vậy, đất này là đất công do Nhà nước quản lý, nên ông D chỉ được hỗ trợ về tài sản trên đất mà không bồi thường về đất và không được hỗ trợ di dời tài sản trên đất, hỗ trợ chi phí di dời, chuyển đổi nghề nghiệp và cấp đất tái định cư là phù hợp với các quy định của Luật đất đai. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

* Về tố tụng:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Đỗ Văn D là trong hạn và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

* Về nội dung:

[2]. Các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của người khởi kiện và người bị kiện có trong hồ sơ vụ án đều xác định về diện tích đất 5.400m² thuộc các thửa 176, 177 của ông Đỗ Văn D, có nguồn gốc: trước năm 1989 là đất của Nhà nước giao cho Nông trường mía Hiệp Hòa sử dụng, khi Nông trường mía Hiệp Hòa giải thể thì toàn bộ tài sản của Nông trường mía H đều giao lại cho UBND huyện Đ quản lý. Cũng trong năm 1989, ông X là cha của ông D được Phòng Tài chính của huyện Đ ký "Khế ước" giao cho sử dụng, sau đó ông X giao lại cho ông D sử dụng đến nay. Sau khi bị thu hồi đất ông D mới được hỗ trợ về tài sản trên đất với số tiền 250.448.000đ. Căn cứ khoản 2 Điều 79 của Luật tố tụng hành chính, lời thừa nhận nêu trên của các đương sự là sự thật không phải chứng minh.

** Xét tính hợp pháp của việc* UBND huyện Đ *không hỗ trợ chi phí di dời, chuyển đổi nghề nghiệp và cấp đất tái định cư:*

[3]. Ngày 03 tháng 3 năm 1989 UBND tỉnh L đã ban Quyết định số 387/QĐ.UB.89 Về việc giao Nông trường quốc doanh Hiệp Hòa cho UBND huyện Đ quản lý. Đến ngày 01 tháng 4 năm 1989, Ban thường vụ Huyện Ủ đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ-TV giải thể Nông trường mía H giao toàn bộ tài sản cho UBND huyện Đ quản lý. Ngày 25/7/1989 Phòng Tài chính huyện Đ đại diện ký "Khế ước" giao quyền sử dụng đất thuộc khu vực nông trường mía Hiệp Hòa cho các hộ dân để sản xuất nông nghiệp, trong đó có giao cho ông Đỗ Văn X (Cha của ông D) diện tích đất 5.400m² thuộc các thửa 176, 177, có thu tiền sử dụng đất hàng năm. Như vậy, diện tích đất 5.400m² này vẫn do Nhà nước quản lý một cách liên tục, còn "Khế ước" chỉ là hợp đồng của Nhà nước ký cho ông X thuê đất nông nghiệp có thu tiền hàng năm. Mặc dù, gia đình ông D canh tác ổn định trong thời gian dài, không có tranh chấp, nhưng đây không phải hành vi có thể làm thay đổi quyền sở hữu của Nhà nước đối với diện tích đất cho người dân thuê. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 19 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Điều 20 và Điều 22 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Điều 67 và khoản 4 Điều 82 của Luật đất đai năm 2013, thì diện tích đất nêu trên của ông D không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất, hỗ trợ chi phí di dời, chuyển đổi nghề nghiệp và cấp đất tái định cư. Việc UBND huyện Đ chỉ xem xét hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, hỗ trợ tài sản trên đất cho ông D với số tiền 250.448.000đ là có căn cứ, đã đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông D.

** Xét tính hợp pháp của Quyết định số 14755/QĐ-CT ngày 30/11/2021 của Chủ tịch* UBND huyện Đ *về việc giải quyết khiếu nại*:

[4]. Do diện tích đất nêu trên là của Nhà nước quản lý nên ngày 06/6/2016, UBND tỉnh L có Văn bản số 1999/UBND-KT về việc chủ trương lập quy hoạch và bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án Tạo quỹ đất sạch tại thị trấn H; Ngày 26/6/2016, UBND tỉnh L có Văn bản số 2834/UBND-KT về việc điều chỉnh chủ trương lập quy hoạch và bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án Tạo quỹ đất sạch tại thị trấn H; Ngày 06/7/2017, UBND huyện Đ có Thông báo số 4157/TB- UBND về việc triển khai kiểm đếm đất, nhà và tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng của dự án Tạo quỹ đất sạch tại thị trấn H; Cùng ngày 06/7/2017, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5950/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thu hồi đất, kiểm đếm đất, tài sản trên đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư của dự án; Ngày 08/6/2018, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1879/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Nông trường mía Hiệp H1 tại thị trấn H giao Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, mà không ban hành quyết định thu hồi đất của ông Đỗ Văn D. Căn cứ vào các văn bản nêu trên, ngày 30/11/2021, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 14755/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại, bác đơn khiếu nại của ông Đỗ Văn D yêu cầu UBND huyện Đ ban hành quyết định thu hồi diện tích 5.400m² đất tại thị trấn H là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền được quy định tại các Điều: 7, 8, 9, 18, 30, 31 của Luật giải quyết khiếu nại.

[5]. Từ những căn cứ trên, Tòa án sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn D là phù hợp với các quy định của pháp luật. Ông D kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới nên yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn D không được hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phạm Văn T là người được ông D ủy quyền cho rằng: một số hộ có đất xung quanh thửa đất của ông D cũng ký khế ước với Phòng Tài chính Huyện nhưng vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND huyện Đ ban hành Quyết định thu hồi đất, được bồi thường về đất, hỗ trợ các chi phí: di dời, chuyển đổi nghề nghiệp và được cấp đất tái định cư. Hội đồng xét xử kiến nghị UBND huyện Đ, tỉnh Long An kiểm tra, rà soát đối với các trường hợp như ông T trình bày. Nếu có việc bồi thường, hỗ trợ chi trả trái pháp luật thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[7]. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho rằng "Khế ước" được xem như một quyết định giao đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông D là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn D, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đỗ Văn D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[10]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 241; Điều 242 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn D.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 134/2022/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều: 7, 8, 9, 18, 30, 31 của Luật giải quyết khiếu nại; Khoản 1 Điều 76, khoản 1 và khoản 4 Điều 82 Luật đất đai 2013; Khoản 4, Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số: 09/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh L về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn D về "Khiếu kiện quyết định hành chính hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 14755/QĐ-CT ngày 30/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại;

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn D về việc yêu cầu buộc UBND huyện Đ phải bồi thường giá trị diện tích 5.400m² đất thuộc các thửa 176, 177 tờ bản đồ số 5; hỗ trợ chi phí di dời, chuyển đổi nghề nghiệp và cấp đất tái định cư.

3. Án phí hành chính phúc thẩm, ông Đỗ Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0001406 ngày 12/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- ĐS (3);
- Lưu VP(3), HS(2).15b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khương